

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt).

Ông Nguyễn Toàn Q, sinh năm 1980 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Toàn Q: Bà Lê Thị Th (Theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2020).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Tô Văn Tr, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Bà Trần Bé H, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q trình bày: Do nhu cầu kiếm thêm thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình nên vợ chồng bà có thành lập tổ hùn

vốn (hụi) với bà con địa phương và những người lân cận có nhu cầu tham gia hụi, cụ thể như sau:

Vào ngày 30/6/2018 vợ chồng bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng/tháng do ông Nguyễn Toàn Q làm chủ, có bà Trần Bé H và chồng là ông Tô Văn Tr tham gia 02 chân là chân số 1 và chân số 2 (đứng tên là Bé H) theo thứ tự. Dây hụi này có 28 chân, khi tham gia vợ chồng ông Tr, bà Bé H hốt 02 chân đầu và đóng hụi chết đầy đủ cho vợ chồng bà được 12 lần (trong đó có 02 lần vợ chồng ông Tr, bà Bé H hốt hụi), đến tháng 6/2019 thì vợ chồng ông Tr, bà Bé H không đóng nữa và từ đó đến nay vợ chồng bà phải bỏ tiền ra đóng hụi tràn cho vợ chồng ông Tr, bà Bé H. Còn 16 lần hụi chết của 02 chân hụi mà vợ chồng ông Tr, bà Bé H không đóng cho vợ chồng bà, dây hụi này chỉ còn 04 lần nữa là mãn hụi. Như vậy vợ chồng ông Tr, bà Bé H đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi theo như thỏa thuận ban đầu trong giấy hùn vốn (giấy hụi) và tính đến mãn hụi là còn nợ vợ chồng bà 16 lần x 2.000.000 đồng/02 chân = 36.000.000 đồng.

Tiếp đến vào ngày 15/01/2019 vợ chồng bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng/tháng do bà Lê Thị Th làm chủ, có vợ chồng ông Tr, bà Bé H tham gia 03 chân là chân số 1, chân số 2 và chân số 3 (đứng tên là Chế 2, Anh Chế Bé H, Út Nh) theo thứ tự. Dây hụi này có 26 chân, khi tham gia thì vợ chồng ông Tr, bà Bé H hốt 03 chân đầu và đóng đầy đủ hụi chết cho vợ chồng bà được 05 lần (trong đó có 03 lần vợ chồng ông Tr, bà Bé H hốt hụi), đến tháng 6/2019 thì không đóng hụi cho vợ chồng bà nữa và vợ chồng bà phải bỏ tiền ra đóng hụi tràn cho vợ chồng ông Tr, bà Bé H, dây hụi này còn 21 lần nữa là mãn hụi. Như vậy vợ chồng ông Tr, bà Bé H đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi theo như thỏa thuận ban đầu trong giấy hùn vốn (giấy hụi) và tính đến mãn hụi là còn nợ vợ chồng bà 21 lần x 3.000.000 đồng/03 chân = 63.000.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi vợ chồng ông Tr, bà Bé H còn nợ lại vợ chồng bà số hụi đã hốt nhưng không đóng lại là 99.000.000 đồng. Do hàng tháng vợ chồng ông Tr, bà Bé H không đóng hụi nên vợ chồng bà phải đóng hụi tràn cho vợ chồng ông Tr, bà Bé H 05 chân hụi là 5.000.000 đồng/tháng nên vợ chồng bà không còn khả năng đóng tràn hụi nữa. Vợ chồng bà đã mời các hụi viên lại và thống nhất với nhau là ngưng hụi không khai nữa, vợ chồng bà có trách nhiệm trả lại cho các hụi viên số tiền hụi mà vợ chồng ông Tr, bà Bé H đã hốt không đóng lại. Mặc dù, vợ chồng bà đã nhiều lần trực tiếp đến nhà vợ chồng ông Tr, bà Bé H để yêu cầu đóng hụi cho vợ chồng bà nhưng vợ chồng ông Tr, bà Bé H chỉ gửi cho vợ chồng bà được 9.000.000 đồng, đối trừ với tổng số tiền nợ của 02 dây hụi là còn lại 90.000.000

đồng thì vợ chồng ông Tr và bà Bé H không gửi cho vợ chồng bà nữa mà còn thách thức vợ chồng bà đi thưa.

Chính từ nội dung sự việc nêu trên nên vợ chồng bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Tô Văn Tr, bà Trần Bé H trả cho vợ chồng bà số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 14/8/2020 và hàng tháng đóng hui chết 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho vợ chồng bà tính từ ngày 14/8/2020 cho đến khi mãn hui.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Trần Bé H trình bày:* Bà thống nhất bà và chồng bà là ông Tô Văn Tr có tham gia các dây hui và hốt hui như trình bày của bà Lê Thị Th. Nợ hui 05 (chân) vợ chồng bà đã hốt của vợ chồng bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q tính đến ngày 14/8/2020 là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) và số nợ hui chết của 05 (năm) chân hui này tính từ ngày 14/8/2020 đến khi mãn hui là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà không có khả năng trả một lần số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 14/8/2020 và hàng tháng đóng thêm 5.000.000 (năm triệu đồng) số hui chết còn lại đến khi mãn hui cho vợ chồng bà Th, ông Q. Nếu vợ chồng bà Th, ông Q đồng ý thì hàng tháng vợ chồng bà sẽ cố gắng đóng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ.

** Tại phiên tòa:* Bà Trần Bé H xác định việc bà tham gia hui, hốt hui và nợ hui của vợ chồng bà Th, ông Q chồng bà là ông Tô Văn Tr không biết, hiện nay bà và chồng bà đã ly hôn, do đó nợ hui của bà Th và ông Q sẽ do bà trả không liên quan đến ông Tô Văn Tr. Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q xác định chỉ có bà Trần Bé H đứng ra giao dịch hui với vợ chồng bà, lúc bà Bé H tham gia hui, hốt hui thì có ông Tr ở nhà nhưng ông Tr có biết việc bà Bé H chơi hui, hốt hui và nợ hui hay không thì vợ chồng bà không biết, nay bà Bé H đồng ý đứng ra trả nợ hui cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đồng ý và không yêu cầu ông Tô Văn Tr trả nợ hui cho vợ chồng bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tiến hành việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Lê Thị Th và bị đơn là bà Trần Bé H có mặt, bị đơn ông Tô Văn Tr được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Toàn Q với ông Tô Văn Tr, bà Trần Bé H là “Tranh chấp nợ hui”; bị đơn hiện đang cư trú tại ấp N, xã T, huyện C nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Tô Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Tô Văn Tr là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Bé H và ông Tô Văn Tr trả cho vợ chồng bà số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 14/8/2020 và hàng tháng đóng hui chết 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho vợ chồng bà tính từ ngày 14/8/2020 cho đến khi mãn hui. Tại phiên tòa bà Th và ông Q xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Bé H trả số tiền nợ hui nêu trên. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chỉ yêu cầu bà Trần Bé H trả tiền nợ hui mà không yêu cầu ông Tô Văn Tr trả nợ hui là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy hùn vốn (giấy hui) ngày 30/6/2018 và giấy hùn vốn (giấy hui) ngày 15/01/2019. Phía bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa, các đương sự xác định không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp.

Đối với số tiền nợ hui nguyên đơn yêu cầu, bị đơn là bà Trần Bé H thừa nhận là bà có hốt hui và nợ hui như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình bà hiện nay đang khó khăn nên bà không có khả năng trả một lần số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) và hàng tháng đóng thêm 5.000.000

(năm triệu đồng) số hui chết còn lại đến khi mãn hui cho vợ chồng bà Th, ông Q; nếu vợ chồng bà Th, ông Q đồng ý thì hàng tháng bà sẽ cố gắng đóng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ. Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh việc nợ hui giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và được hai bên thừa nhận. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q, buộc bị đơn bà Trần Bé H trả cho bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q số tiền nợ của hai dây hui là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 14/8/2020 và hàng tháng đóng hui chết 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho vợ chồng bà Th, ông Q tính từ ngày 14/8/2020 cho đến khi mãn hui.

Về thời gian trả nợ hui: Tại phiên tòa bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q yêu cầu bà Trần Bé H trả một lần đối với số nợ 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng). Bà Trần Bé H chỉ đồng ý trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét thấy yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 468 và Điều 471 Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Điều 23 và Điều 24 Nghị định 19/2019/ND-CP của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q về việc yêu cầu bà Trần Bé H trả số tiền hui còn nợ.

2. Buộc bà Trần Bé H trả cho bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q số tiền hụi còn nợ là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 14/8/2020 và hàng tháng đóng hụi chết 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà Th, ông Q tính từ ngày 14/8/2020 cho đến khi mãn hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Bé H phải chịu là 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Toàn Q số tiền tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005521 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền